

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/HNGĐ- ST
Ngày 25-03-2019
V/v Ly hôn giữa chị Dân - anh Lâm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tiến

2. Bà Vũ Thị Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy:*** Bà Trần Thị Hoàn kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 286/2018/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐST- HNGĐ ngày 13/02/2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Vũ Thị D, sinh năm 1981

HKTT: thôn HT, xã TD, huyện TT, tỉnh Thái Bình

Nơi cư trú: thôn HS, xã TV, huyện TT, tỉnh Thái Bình

2. ***Bị đơn:*** Anh Vũ Đình L, sinh năm 1978

Nơi cư trú: thôn DT, xã TD, huyện TT, tỉnh Thái Bình

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ngân hàng HTX

Địa chỉ: phường TH, quận CG, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật : Ông Trần Quang Kh – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Y – Trưởng phòng tín dụng và doanh nghiệp và cá nhân chi nhánh TB. Địa chỉ: Số 75, phố T, phường THĐ, TP Thái Bình (Theo văn bản ủy quyền số 164 ngày 01/7/2013 của Chủ tịch Hội đồng quản trị) – Có mặt bà Y

- Ngân hàng NN

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Thị H – Giám đốc PGD Đông Hồ, TP và ông Nguyễn Xuân Đ – Phó giám đốc PGD ĐH, xã TP (theo văn bản ủy quyền số 509/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 và giấy ủy quyền số 04/NHNo-PGDKV Đông Hồ ngày 06/12/2018) – Có mặt ông Đ

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 - Vắng mặt

- Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1968 – Vắng mặt

Địa chỉ: thôn HT, xã TD, huyện TT, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị D trình bày:

Chị và anh Vũ Đình L tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã TD cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/4/2005. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, do kinh tế khó khăn, nợ nần. Vợ chồng thường xuyên cãi vã. Tuy vợ chồng và hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xác định mâu thuẫn đã căng thẳng, không thể đoàn tụ được nên chị yêu cầu ly hôn anh L. Về việc nuôi con chung: Chị và anh L có hai con chung là Vũ Song Bình Ng, sinh ngày 15/01/2006 và Vũ Song Khánh T, sinh ngày 09/8/2011. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con Khánh T, đồng ý để anh Lâm trực tiếp nuôi dưỡng con Bình Ng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trước đây, vợ chồng có tài sản chung là nhà đất tại thôn HT, xã TD; Do nợ nần, tháng 6/2017, vợ chồng đã thống nhất bán nhà đất với giá 670.000.000 đồng và dùng toàn bộ số tiền này để trả các khoản nợ gồm: trả Ngân hàng Công thương V 401.365.000 đồng; trả chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn H ở thôn HT, xã TD 70.000.000 đồng hiện còn nợ chị H anh H 30.000.000 đồng; trả anh Nguyễn Văn Th ở thôn HT, xã TD 82.500.000 đồng, trả chị Nguyễn Thị H ở trường tiểu học xã Thụy Phong 70.000.000 đồng; trả cho chị Hoàng Thị Hồng M ở xã thôn T, xã TB 41.230.000 đồng; trả cho chị Phạm Thị H ở trường Tiểu học xã TD 2 chỉ vàng có giá trị 6.800.000 đồng. Vì vậy, vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng hiện có các khoản nợ chung gồm:

+ Nợ chị Nguyễn Thị H, anh Hoàng Văn H 30.000.000 đồng.

+ Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/3/ 2019 còn nợ Ngân hàng HTX – Chi nhánh Thái Bình số tiền 85.904.000 gốc và 4.606.473 lãi; cộng là 90.510.473 đồng theo theo Hợp đồng tín dụng số TDE 0600001 ngày 30/12/2015 vay mục đích vay để làm nhà.

+ Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/3/2019 còn nợ Ngân hàng NN - Chi nhánh huyện TT – PGD Đông Hồ số tiền 28.079.015 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3408-LAV – 201608671 ngày 29/11/2016, mục đích vay để sửa nhà.

Do hai Ngân hàng, chị H và anh H đều chưa yêu cầu đòi nợ nên chị đề nghị phân chia trách nhiệm trả nợ, chị và anh L mỗi người có trách nhiệm trả ½ nợ gốc và lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2019, ý kiến trong quá trình tố tụng của bị đơn:

Anh L trình bày giống nguyên đơn về việc kết hôn, về mâu thuẫn của vợ chồng, anh xác định hiện nay vợ chồng mỗi người sống một nơi; Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Song Bình Ng, sinh ngày 15/01/2006 và Vũ Song Khánh T, sinh ngày 09/8/2011. Do không hòa giải được với chị D nên anh đồng ý ly hôn; anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh L xác định năm 2017 vợ chồng bàn bạc bán nhà đất ở xã TD được 670.000.000 đồng. Số tiền này dùng để trả nợ Ngân hàng C 401.365.000; trả nợ tiền để lấy sổ bảo hiểm cho anh 16.000.000 đồng, trả cho chị H và anh H 70.000.000 đồng. Vợ chồng có tài sản chung là số tiền 370.000.000 đồng, chị D là người quản lý.

Về nợ chung: Anh xác nhận vợ chồng còn các khoản nợ chung:

+ Nợ vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Hoàng Văn H 30.000.000 đồng.

+ Nợ Ngân hàng HTX – Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số TDE 0600001 ngày 30/12/2015.

+ Nợ Ngân hàng NN - Chi nhánh huyện TT – PGD Đông Hồ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3408-LAV – 201608671 ngày 29/11/2016.

Ngoài ra anh xác định không có tài sản chung, nợ chung nào khác

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng NN trình bày: Vợ chồng chị D, anh L còn nợ NN Chi nhánh huyện Thái Thụy số tiền nợ gốc 28.079.015 đồng, không nợ lãi (tính đến ngày 25-03-2019) theo Hợp đồng tín dụng số 3408-LAV – 201608671 ngày 29/11/2016 đã ký giữa hai bên. Chị D là người đứng tên hợp đồng nên là người có trách nhiệm trả nợ. Do Hợp đồng chưa đến hạn nên Ngân hàng không yêu cầu độc lập.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng HTX trình bày: Vợ chồng chị D, anh L còn nợ Ngân hàng HTX – Chi nhánh Thái Bình số tiền nợ gốc 85.904.000 đồng và nợ lãi là 4.606.473 đồng (tính đến ngày 25-03-2019) theo Hợp đồng tín dụng số TDE 0600001 ngày 30/12/2015 đã ký giữa hai bên. Chị D là người đứng tên hợp đồng nên là người có trách nhiệm trả nợ. Do hợp đồng chưa đến hạn nên Ngân hàng không yêu cầu độc lập.

Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn H trình bày: Tháng 7/2015, anh L, chị D vay của anh chị 100.000.000 đồng, có giấy biên nhận; đã trả 70.000.000 đồng, còn nợ 30.000.000 đồng. Anh chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, các đương sự không thỏa thuận được nên hòa giải không thành; vụ án phải đưa ra xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của tổ tụng của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 37, Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị D ly hôn anh L, giao con chung Vũ Song Bình Ng cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Vũ Song Khánh T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; Về tài sản chung: không xem xét giải quyết yêu cầu của anh L về việc chia tài sản chung; Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của chị D về việc xác định các khoản nợ chung gồm: Nợ Ngân NN và phát triển chi nhánh Thái Bình – phòng giao dịch Đông Hồ; Nợ Ngân hàng HTX chi nhánh Thái Bình; Nợ vợ chồng chị H, anh H. Chị

D, anh L mỗi người phải có trách nhiệm $\frac{1}{2}$ nợ gốc và các khoản lãi tính từ thời điểm xét xử sơ thẩm; Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, chị D và anh Lâm phải chịu án phí về nghĩa vụ tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị D và anh L là tự nguyện và hợp pháp. Năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên mâu thuẫn càng căng thẳng. Vợ chồng không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị D, anh L đã vi phạm về quyền, nghĩa vụ vợ chồng đối với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị D ly hôn anh L.

[2]. Về con chung: Chị D và anh L có hai con chung là Vũ Song Bình Ng, sinh ngày 15/01/2006 và Vũ Song Khánh T, sinh ngày 09/8/2011. Chị Anh, chị đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng và giáo dục con chung nên cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Song Bình Ng; giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Song Khánh T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung:

[3.1]. Về tài sản chung:

Anh L xác định chị D còn quản lý số tiền chung là 370.000.000 đồng có nguồn gốc từ tiền bán nhà đất và anh có yêu cầu phân chia. Chị D đã cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền bán nhà đất là 670.000.000 đồng đã trả 6 khoản nợ = 671.895.000 đồng nên vợ chồng không có tài sản chung. Anh L đã được Tòa án giải thích nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí và giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng anh không nộp tạm ứng án phí và không có bất cứ chứng cứ nào để chứng minh nên không xem xét giải quyết.

[3.2]. Về yêu cầu phân chia trách nhiệm trả nợ: Chị D, anh L đều xác định có ba khoản nợ chung là nợ là Ngân hàng NN – phòng giao dịch Đông Hồ; nợ Ngân hàng HTX; nợ vợ chồng chị H, anh H theo các hợp đồng tín dụng, thỏa thuận vay nợ. Đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Cả ba khoản vay này đều chưa trả, mục đích là để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình nên theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì “*vợ chồng có nghĩa vụ chung*” đối với các khoản nợ này. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị D về phân chia trách nhiệm trả nợ. Chị D và anh Lâm mỗi người phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ (50%) số nợ gốc và các khoản nợ lãi phát sinh trên nợ gốc theo hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận vay nợ tính đến thời điểm trả nợ. Cụ thể, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm anh L và chị D mỗi người có trách nhiệm trả Ngân hàng HTX 42.952.000 đồng nợ gốc, 2.303.237 đồng nợ lãi, tổng là 45.255.237 đồng, trả cho Ngân hàng NN 14.039.508 đồng, trả cho chị H và anh H 15.000.000 đồng.

[4] Trong quá trình tố tụng, mặc dù đã được Tòa án giải thích về quyền nghĩa vụ; thông báo về việc nộp tạm ứng án phí nhưng Ngân hàng NN - chi nhánh Thái

Bình; Ngân hàng HTX - chi nhánh Thái Bình, chị H và anh H đều không yêu cầu độc lập. Chị D và anh L cùng có trách nhiệm trả nợ cho hai Ngân hàng và chị H, anh H như đã nêu trên; các vấn đề khác về quyền và nghĩa vụ của người vay theo các hợp đồng tín dụng, thỏa thuận vay nợ được giải quyết khi hai Ngân hàng, chị H và anh H có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị D và anh L mỗi người phải chịu án phí về phần nghĩa vụ trả nợ: $(42.952.000 + 2.303.237 + 14.039.508 + 15.000.000) \times 5\% = 3.715.000$ đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147; Điều 149; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30, Điều 37; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a, Điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị D ly hôn anh Vũ Đình L;

2. Về con chung: Giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Song Khánh T; giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Song Bình Ng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

3.1 Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết;

3.2. Về trách nhiệm trả nợ chung:

Chị Vũ Thị D và anh Vũ Đình L có ba khoản nợ chung: Nợ chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn H 30.000.000 đồng; Nợ Ngân hàng HTX – theo Hợp đồng tín dụng số TDE 0600001 ngày 30/12/2015, Nợ NN- Chi nhánh huyện Thái Thụy – PGD Đông Hồ theo Hợp đồng tín dụng số 3408-LAV – 201608671 ngày 29/11/2016. Chị D và anh L mỗi người phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ gốc và các khoản nợ lãi phát sinh trên nợ gốc theo hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận vay nợ tính đến thời điểm trả nợ khi các chủ nợ có yêu cầu. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm anh L và chị D mỗi người có trách nhiệm trả Ngân hàng HTX 42.952.000 đồng nợ gốc, 2.303.237 đồng nợ lãi, tổng là 45.255.237 đồng; trả cho Ngân hàng NN – chi nhánh Thái Bình 14.039.508 đồng nợ gốc và trả cho chị H và anh H 15.000.000 đồng nợ gốc.

4. Về án phí:

- Nguyên đơn là chị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số số 0001619 ngày 01/11/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Chị D và anh L mỗi người phải chịu 3.715.000 đồng án phí về nghĩa vụ tài sản.

5. Về quyền kháng cáo:

- Chị Vũ Thị D, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng NN, Ngân hàng HTX có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

-Anh Vũ Đình L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H, anh Hoàng Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đặt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã TD;
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan